

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **192/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 29-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Lan

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1169/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 168/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hà Thị Th**, sinh năm 1981.

Địa chỉ thường trú: Tổ M, khu phố T, phường P, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (nay là phường P, tỉnh Đồng Nai).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1974.

Địa chỉ thường trú: Tổ M, khu phố T, phường P, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (nay là phường P, tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn bà Hà Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian quen biết và tìm hiểu, bà và ông Nguyễn Thanh S phát sinh tình cảm và quyết định đi đến hôn nhân. Năm 2002, bà và ông S tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (nay là Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến, tỉnh Thanh Hóa) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 05 H/T ngày 26/5/2002.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận. Nhưng về sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng

quan điểm sống. Ông S thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập bà nhiều lần, ảnh hưởng rất lớn đến tinh thần của bà và các con chung. Bà đã nhiều lần tha thứ để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả; vợ chồng không còn sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau.

Nay bà xác định không còn tình cảm, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Thanh S.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Hà Diệu L1, sinh ngày 14/01/2004, Nguyễn Hà Hạ V, sinh ngày 07/4/2009 và Nguyễn Hà Yên L, sinh ngày 27/02/2015. Khi ly hôn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết giao hai con chung là cháu V và cháu L cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục vì hiện nay hai cháu đang sống cùng với bà, phát triển tốt về mọi mặt. Bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu L1 đã thành niên và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vì bận công việc nên bà xin vắng mặt trong các phiên tòa xét xử của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không chấp hành theo đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu xin ly hôn của bà Hà Thị Th là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Hà Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hà Hạ V, sinh ngày 07/4/2009 và Nguyễn Hà Yên L, sinh ngày 27/02/2015 cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông S không cấp dưỡng nuôi con chung. Về cháu Nguyễn Hà Diệu L1, sinh ngày 14/01/2004 đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Bà Th phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Hà Thị Th khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Thanh S đăng ký thường trú và sinh sống tại địa chỉ: Tổ M, khu phố T, phường P, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (nay là phường P, tỉnh Đồng Nai), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thực hiện Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tiếp tục giải quyết vụ án và xét xử vụ án theo thẩm quyền.

Nguyên đơn bà Hà Thị Th vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng bị đơn ông Nguyễn Thanh S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Th và ông Nguyễn Thanh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (nay là Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến, tỉnh Thanh Hóa) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 05 H/T ngày 26/5/2002, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông S là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 9, 11 và 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Th kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông S với lý do hiện nay không còn tình cảm với ông S; trong thời gian chung sống, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau; cuộc sống hôn nhân thường xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc; ông S có hành vi bạo lực gia đình, thường xuyên chửi bới, đánh đập bà Th. Hiện nay, vợ chồng không có khả năng hòa giải đoàn tụ. Theo biên bản xác minh ngày 08/8/2025 và biên bản ghi lời khai ngày 30/7/2025 của Công an phường Tam Phước cung cấp cũng thể hiện ông S có hành vi bạo lực gia đình, nhậu say sưa, la hét, chửi bới, đánh đập vợ con, còn có hành vi cầm dao hăm dọa bà Th. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông S để làm việc, hòa giải nhưng ông S vắng mặt không có lý do, thể hiện việc ông S đã bỏ mặc, không mong muốn hòa giải để hàn gắn, níu kéo tình cảm và mối quan hệ hôn nhân với bà Th. Từ những căn cứ trên, xét hôn nhân giữa bà Th và ông S lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th yêu cầu ly hôn với ông S là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Th, cho bà Th được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

[2.2] Về con chung: Bà Th và ông S có ba con chung tên Nguyễn Hà Diệu L1, sinh ngày 14/01/2004, Nguyễn Hà Hạ V, sinh ngày 07/4/2009 và Nguyễn Hà Yên L, sinh ngày 27/02/2015. Khi ly hôn, bà Th xin được nuôi cháu V và cháu L, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Về cháu L1 đã thành niên và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Hiện nay cháu V và cháu L được mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển tốt về mọi mặt. Hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S không có ý kiến về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh khả năng và điều kiện nuôi con. Bà Th hiện có công việc, thu nhập, nơi ở ổn định đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Để đảm bảo cho việc phát triển tốt nhất về thể chất, tâm lý của các con chưa thành niên khi cha mẹ ly hôn, không chia rẽ tình cảm chị em; Hội đồng xét xử xét thấy giao hai cháu V và cháu L cho bà Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên là phù hợp theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông S do bà Th không yêu cầu. Về cháu L1 đã thành niên nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Hà Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 11 và 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Th về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với ông Nguyễn Thanh S.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Hà Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Hà Hạ V, sinh ngày 07/4/2009 và Nguyễn Hà Yến L, sinh ngày 27/02/2015 cho bà Hà Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về con chung tên Nguyễn Hà Diệu L1, sinh ngày 14/01/2004 nay đã thành niên và có khả năng lao động, nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời ông Nguyễn Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét.

2. Về án phí: Bà Hà Thị Th phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007071 ngày 20/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đồng Nai). Bà Hà Thị Th đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 - Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 1 - Đồng Nai;
- UBND xã Hợp Tiến, tỉnh Thanh Hóa (GCNKH số 02, quyền số 05 H/T ngày 26/5/2002);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Thị Kim Thoa